

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ADC ANH DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ADC ANH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ADC ANH DUONG CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ADC ANH DUONG C&T JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109738758

**3. Ngày thành lập:** 26/08/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thái Đường, Xã Hiền Ninh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981 723 595

Fax:

Email: [anhduongadc.cons@gmail.com](mailto:anhduongadc.cons@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                      | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                          | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                           | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                               | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                    | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                     | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn.                                                          | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                               | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                        | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                  | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299        |
| 13. | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                  | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                       | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                  | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                  | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống hút bụi.                                                                                                                 | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330 |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, Chống ẩm các toà nhà. | 4390 |
| 20. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4520 |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651 |
| 22. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652 |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                               | 4659 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim.                                | 4663 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                             | 4752 |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                      | 4753 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4759 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.                                                      | 4649 |
| 29. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                           | 4741 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4742 |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                         | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4931 |
| 33. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4932 |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933 |
| 35. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5510 |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710 |
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7730 |
| 38. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Khảo sát xây dựng<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.<br>- Thiết kế xây dựng công trình<br>- Giám sát thi công xây dựng | 7110 |
| 39. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8130 |
| 40. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8129 |
| 41. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8230 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN THANH<br>LONG  | Thôn Thái<br>Đường, Xã Hiền<br>Ninh, Huyện Sóc<br>Sơn, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 285.000       | 2.850.000.000            | 95,000       | 0010860108<br>58                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số                            | 285.000       | 2.850.000.000            | 95,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THANH<br>LƯỢNG | Thôn Thái<br>Đường, Xã Hiền<br>Ninh, Huyện Sóc<br>Sơn, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 9.000         | 90.000.000               | 3,000        | 0010880142<br>60                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số                            | 9.000         | 90.000.000               | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                      |                                    |       |            |       |           |  |
|---|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|-----------|--|
| 3 | TRẦN THỊ<br>LIỄU | Thôn Thái<br>Đường, Xã Hiền<br>Ninh, Huyện Sóc<br>Sơn, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000 | 60.000.000 | 2,000 | 013426964 |  |
|   |                  |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                      | Tổng số                            | 6.000 | 60.000.000 | 2,000 |           |  |
|   |                  |                                                                                      |                                    |       |            |       |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THANH LƯỢNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088014260

Ngày cấp: 01/11/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Thái Đường, Xã Hiền Ninh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thái Đường, Xã Hiền Ninh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội